

KẾ HOẠCH KIỂM TRA CUỐI KÌ 1 - NĂM HỌC 2024 - 2025

MÔN SINH HỌC 10

- Thời điểm kiểm tra:** Tuần 17 (từ 21/12/2024- 26/12/2024)
- Thời gian làm bài:** 45 phút
- Hình thức kiểm tra:** Trắc nghiệm theo 3 phần
- Nội dung:** các yêu cầu cần đạt từ bài 1 - bài 10
- Cấu trúc:**
 - Mức độ đề: 45% Nhận biết; 35% Thông hiểu; 20% Vận dụng.
 - Tổng điểm: 10 điểm, gồm 28 câu. Trong đó:
 - + Phần I:** (Dạng trắc nghiệm nhiều lựa chọn = TNNLC) gồm 18 câu TNNLC = 4,5 điểm
 - + Phần II:** (Dạng trắc nghiệm Đúng/Sai = TNĐS) gồm 4 câu = 4,0 điểm.
 - Học sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 01 câu hỏi được 0,1 điểm;
 - Học sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý trong 01 câu hỏi được 0,25 điểm;
 - Học sinh chỉ lựa chọn chính xác 03 ý trong 01 câu hỏi được 0,5 điểm;
 - Học sinh lựa chọn chính xác cả 04 ý trong 01 câu hỏi được 1,0 điểm.
 - + Phần III:** (Dạng trắc nghiệm trả lời ngắn = TNTLN) gồm 6 câu = 1,5 điểm.
- Bảng ma trận, đặc tả:**

MA TRẬN KIỂM TRA CUỐI KÌ 1

MÔN SINH HỌC 10 (CÁNH DIỀU)

TT	Chủ đề	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức – Dạng câu hỏi								
			Trắc nghiệm nhiều lựa chọn (TNNLC)			Trắc nghiệm Đúng/Sai (TNĐS)			Trắc nghiệm trả lời ngắn (TNTLN)		
			N.Biết	T.Hiểu	VD	N.Biết	T.Hiểu	VD	N.Biết	T.Hiểu	VD
1	Chủ đề 1: Giới thiệu khái quát chương trình môn sinh học	Bài 1: Giới thiệu chương trình môn sinh học. Sinh học và sự phát triển bền vững	1 NT1 1 NT2		1 VD2						
		Bài 2: Các phương pháp nghiên cứu và học tập môn sinh học							1NT1		1VD2
2	Chủ đề 2: Các cấp độ tổ chức sống	Bài 3: Giới thiệu chung về các cấp độ tổ chức của thế giới sống	1 NT1	1TH1-2	1 VD2						
3	Chủ đề 3: Giới thiệu chung về tế bào	Bài 4: Khái quát về tế bào				1 NT1	2 TH1-2	1 VD1			
4	Chủ đề 4: Thành phần hoá học của tế bào	Bài 5: Các nguyên tố hóa học và nước				1 NT1	2 TH1-2	1 VD1			
		Bài 6: Các phân tử sinh học	1 NT1	1TH1-2						1TH1-2	1 VD2
5	Chủ đề 5: Cấu trúc của tế bào	Bài 7: Tế bào nhân sơ và tế bào nhân thực	1 NT1 1NT2	1TH1-2							
		Bài 8: Cấu trúc của TB nhân thực	1 NT1 1NT2			1 NT1	2 TH1-2	1 VD1			
6	Chủ đề 6: TĐC và CHNL ở TB	Bài 9: Trao đổi chất qua màng sinh chất	1 NT1 1NT2	1TH1-2					1NT1	1TH1-2	
		Bài 10: Sự chuyển hóa năng lượng và enzyme	1 NT1 1NT2			1 NT1	2 TH1-2	1 VD1			
Tổng số câu			12	4	2	4ý	8 ý	4 ý	2	2	2
Tổng số điểm			(I): 3.0 đ	(II): 1.0 đ	(III): 0.5 đ	(IV): 1.0 đ	(V): 2,0 đ	(VI): 1.0 đ	(VII): 0.5 đ	(VIII): 0.5 đ	(IX): 0.5 đ

Tổng số câu/điểm từng định dạng	18 câu / 4.5 điểm	4 câu (16 ý) / 4.0 điểm	6 câu/ 1.5 điểm
Tổng từng mức độ nhận thức:	Nhận biết: I+IV+VII = 4,5 đ	Thông hiểu: II+V+VIII = 3,5 đ	Vận dụng: III+VI+IX = 2,0 đ

Chú ý: (Nhận thức sinh học: **NT** / Tìm hiểu thế giới sống: **TH**/ Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học: **VD**)

- **NT1: Nhận biết, kể tên, phát biểu, nêu** được các đối tượng, khái niệm, quy luật, quá trình sống.
- **NT2: Trình bày được** các đặc điểm, vai trò của các đối tượng và các quá trình sống bằng các hình thức biểu đạt như ngôn ngữ nói, viết, công thức, sơ đồ, biểu đồ, ...
- **NT3: Phân loại được** các đối tượng, hiện tượng sống theo các tiêu chí khác nhau.
- **NT4: Phân tích được** các đặc điểm của một đối tượng, sự vật, quá trình theo logic nhất định.
- **NT5: So sánh, lựa chọn được** các đối tượng, khái niệm, các cơ chế, quá trình sống dựa theo các tiêu chí nhất định.
- **NT6: Giải thích được** mối quan hệ giữa các sự vật và hiện tượng (nguyên nhân – kết quả, cấu tạo – chức năng, ...)
- **NT7: Nhận ra và chỉnh sửa được** những điểm sai; đưa ra được những nhận định có tính phê phán (phản biện) liên quan tới chủ đề trong thảo luận.
- **NT8: Tìm được từ khóa, sử dụng được thuật ngữ khoa học**, kết nối được thông tin theo logic có ý nghĩa, lập được dàn ý khi đọc và trình bày các văn bản khoa học; sử dụng được các hình thức ngôn ngữ biểu đạt khác nhau.
- **TH1: Đề xuất vấn đề liên quan đến thế giới sống:** đặc ra được các câu hỏi liên quan đến vấn đề; phân tích được bối cảnh để đề xuất vấn đề; dùng ngôn ngữ của mình biểu đạt được vấn đề đã đề xuất.
- **TH2: Đưa ra phán đoán và xây dựng giả thuyết:** phân tích được vấn đề để đề xuất phán đoán; xây dựng và phát biểu được giả thuyết nghiên cứu.
- **TH3: Lập kế hoạch thực hiện:** xây dựng được khung logic nội dung tìm hiểu; lựa chọn được phương pháp thích hợp (quan sát, thực nghiệm, điều tra, phỏng vấn, hồi cứu tư liệu...); lập được kế hoạch triển khai hoạt động nghiên cứu [gọi chung là ‘thiết kế nghiên cứu’].
- **TH4: Thực hiện kế hoạch** [vd: Thực hiện nghiên cứu]: thu thập, lưu trữ được dữ liệu từ kết quả tổng quan, thực nghiệm, điều tra; đánh giá được kết quả dựa trên phân tích, xử lý các dữ liệu bằng các tham số thống kê đơn giản; so sánh được kết quả với giả thuyết, rút ra kết luận và điều chỉnh (nếu cần); đề xuất được ý kiến khuyến nghị vận dụng kết quả nghiên cứu, hoặc vấn đề nghiên cứu tiếp.
- **TH5: Viết, trình bày báo cáo và thảo luận:** sử dụng được ngôn ngữ, hình vẽ, sơ đồ, biểu bảng để biểu đạt quá trình và kết quả nghiên cứu; viết được báo cáo nghiên cứu; hợp tác được với đối tác bằng thái độ lắng nghe tích cực và tôn trọng quan điểm, ý kiến đánh giá do người khác đưa ra để tiếp thu tích cực và giải trình, phản biện, bảo vệ kết quả nghiên cứu một cách thuyết phục.
- **VD1: Giải thích thực tiễn: giải thích, đánh giá** được những hiện tượng thường gặp trong tự nhiên hoặc trong đời sống, tác động của chúng đến phát triển bền vững: **giải thích, đánh giá, phản biện** được một số mô hình công nghệ ở mức độ phù hợp.
- **VD2: Có hành vi, thái độ thích hợp:** đề xuất, thực hiện một số giải pháp để bảo vệ sức khỏe bản thân, gia đình và cộng đồng; bảo vệ thiên nhiên, môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững.

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I
MÔN: SINH HỌC 10 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT

TT	Chủ đề	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Dạng thức		
				NLC	Đ/S	TLN
1	Chủ đề 1: Giới thiệu khái quát chương trình môn sinh học	Bài 1: Giới thiệu chương trình môn sinh học. Sinh học và sự phát triển bền vững	- Nêu được đối tượng, các lĩnh vực nghiên cứu, triển vọng phát triển của sinh học. Trình bày được mục tiêu môn Sinh học, phân tích được vai trò của sinh học. Nêu được các ngành nghề liên quan đến sinh học và ứng dụng, các thành tựu và triển vọng của các ngành nghề đó trong tương lai. - Trình bày được định nghĩa về phát triển bền vững, vai trò của sinh học trong phát triển bền vững môi trường sống và những vấn đề toàn cầu. Phân tích được mối quan hệ giữa sinh học với những vấn đề xã hội như: đạo đức sinh học, kinh tế, công nghệ.	2NB 1VD		
		Bài 2: Các phương pháp nghiên cứu và học tập môn sinh học	- Trình bày và vận dụng được một số phương pháp nghiên cứu sinh học: phương pháp quan sát, phương pháp làm việc trong phòng thí nghiệm, phương pháp thực nghiệm khoa học. Nêu được một số vật liệu, thiết bị nghiên cứu và học tập môn Sinh học. - Trình bày và vận dụng được các kỹ năng trong tiến trình nghiên cứu khoa học: quan sát, đặt câu hỏi, xây dựng giả thuyết, thiết kế và tiến hành thí nghiệm, điều tra và khảo sát thực địa, làm báo cáo kết quả nghiên cứu. Giới thiệu được phương pháp tin sinh học (Bioinformatics). Nêu được một số vật liệu, thiết bị nghiên cứu và học tập môn Sinh học.			1NB 1VD
2	Chủ đề 2: Các cấp độ tổ chức sống	Bài 3: Giới thiệu chung về các cấp độ tổ chức của tgs	- Phát biểu được khái niệm cấp độ tổ chức sống. Dựa vào sơ đồ, phân biệt được cấp độ tổ chức sống. - Trình bày được các đặc điểm chung của các cấp độ tổ chức sống. - Giải thích được mối quan hệ giữa các cấp độ tổ chức sống.	1NB 1TH 1VD		
3	Chủ đề 3: Giới thiệu chung về tế bào	Bài 4: Khái quát về tế bào	- Nêu được khái quát học thuyết tế bào. Giải thích được tế bào là đơn vị cấu trúc và chức năng của cơ thể sống.		1 Câu	
4	Chủ đề 4: Thành phần hoá học của tế bào	Bài 5: Các nguyên tố hóa học và nước	- Nêu được một số nguyên tố hóa học chính: nguyên tố đại lượng (C,H,O,N,S,P,...), nguyên tố vi lượng (Fe, Zn, Cu,...) và vai trò của chúng trong tế bào. Nêu được vai trò quan trọng của nguyên tố carbon trong tế bào. Trình bày được đặc điểm cấu tạo phân tử nước quy định tính chất vật lí, hóa học và sinh học của nước, từ đó, quy định vai trò sinh học của nước trong tế bào.		1 Câu	
		Bài 6: Các phân	- Nêu được khái niệm phân tử sinh học.	1NB 1TH		1TH 1VD

		tử sinh học	- Trình bày được thành phần cấu tạo (các nguyên tố hoá học và đơn phân) và vai trò của các phân tử sinh học trong tế bào: carbohydrate, lipid trong tế bào và cơ thể. - Trình bày được thành phần cấu tạo (các nguyên tố hoá học và đơn phân) và vai trò của các phân tử sinh học trong tế bào: protein, nucleic acid trong tế bào và cơ thể. - Phân tích được mối quan hệ giữa cấu tạo và vai trò của các phân tử sinh học. Nêu được một số nguồn thực phẩm cung cấp các phân tử sinh học cho cơ thể. - Vận dụng được kiến thức về thành phần hoá học của tế bào vào giải thích các hiện tượng và ứng dụng trong thực tiễn. Thực hành nhận biết được một số thành phần hóa học có trong tế bào.			
5	Chủ đề 5: Cấu trúc của tế bào	Bài 7: Tế bào nhân sơ và tế bào nhân thực	- Mô tả được kích thước, cấu tạo và chức năng các thành phần của tế bào nhân sơ. - Lập được bảng so sánh tế bào nhân sơ và tế bào nhân thực. Quan sát hình vẽ, lập được bảng so sánh cấu tạo tế bào thực vật và tế bào động vật. Thực hành làm được tiêu bản và quan sát được tế bào sinh vật nhân sơ (vi khuẩn).	2NB 1TH		
		Bài 8: Cấu trúc của TB nhân thực	Phân tích được mối quan hệ phù hợp giữa cấu tạo và chức năng của thành tế bào (ở tế bào thực vật) và màng sinh chất. Trình bày được cấu trúc của nhân tế bào và chức năng quan trọng của nhân. - Nêu được cấu tạo và chức năng của tế bào chất. Phân tích được mối quan hệ giữa cấu tạo và chức năng của các bào quan trong tế bào. Làm được tiêu bản hiển vi tế bào nhân thực (tế bào thực vật và tế bào động vật) và quan sát nhân, một số bào quan trên tiêu bản đó.	2NB	1 Câu	
6	Chủ đề 6: TĐC và CHNL ở TB	Bài 9: Trao đổi chất qua màng sinh chất	-Nêu được khái niệm trao đổi chất ở tế bào. -Phân biệt được các hình thức vận chuyển các chất qua màng sinh chất: vận chuyển thụ động và vận chuyển chủ động. Nêu được ý nghĩa của các hình thức đó. Lấy được ví dụ minh họa. Trình bày được hiện tượng nhập bào và xuất bào thông qua biến dạng của màng sinh chất. Lấy được ví dụ minh họa. Vận dụng những hiểu biết về sự vận chuyển các chất qua màng sinh chất để giải thích một số hiện tượng thực tiễn. Làm được thí nghiệm và quan sát hiện tượng co và phản co nguyên sinh, thí nghiệm tính thấm có chọn lọc của màng tế bào sống.	2NB 1TH		1NB 1TH
		Bài 10: Sự chuyển hóa năng lượng và enzyme	- Phát biểu được khái niệm chuyển hoá năng lượng trong tế bào. Phân biệt được các dạng năng lượng trong chuyển hoá năng lượng ở tế bào. - Giải thích được năng lượng được tích lũy và sử dụng cho các hoạt động sống của tế bào là dạng năng lượng hoá học (năng lượng tiềm ẩn trong các liên kết hóa học). - Phân tích được cấu tạo và chức năng của ATP về giá trị năng lượng sinh học.	2NB	1 Câu	

			– Trình bày được quá trình tổng hợp và phân giải ATP gắn liền với quá trình tích lũy, giải phóng năng lượng. – Trình bày được vai trò của enzyme trong quá trình trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng. – Nêu được khái niệm, cấu trúc và cơ chế tác động của enzyme. Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động xúc tác của enzyme. Làm được thí nghiệm phân tích ảnh hưởng của một số yếu tố đến hoạt tính của enzyme, kiểm tra hoạt tính thuỷ phân tinh bột của amylase.			
			Tổng số câu	18	4	6

I. Phần I: (Dạng trắc nghiệm nhiều lựa chọn = TNNLC) gồm 18 câu = 4,5 điểm (0,25 điểm/1 câu.)

- Học sinh chỉ lựa chọn 1 phương án đúng (A,B,C,D).

1) NHẬN BIẾT

Bài 1: 2NB

1) (NB)

2) (NB)

Bài 3: 1NB

3) (NB)

Bài 6: 1NB

4) (NB)

Bài 7: 2NB

5) (NB)

6) (NB)

Bài 8: 2NB

7) (NB)

8) (NB)

Bài 9: 2NB

9) (NB)

10) (NB)

Bài 10: 2NB

11) (NB)

12) (NB)

2) THÔNG HIỂU

Bài 3: 1TH

13) (NB)

Bài 6: 1TH

14) (NB)

Bài 7: 1TH

15) (NB)

Bài 9: 1TH

16) (NB)

3) VẬN DỤNG

Bài 1: 1VD

17) (VD)

Bài 3: 1VD

18) (VD)

II. Phần II: (Dạng trắc nghiệm Đúng/Sai = TNĐS) gồm 4 câu = 4,0 điểm.

- Học sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 01 câu hỏi được 0,1 điểm;

- Học sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý trong 01 câu hỏi được 0,25 điểm;

- Học sinh chỉ lựa chọn chính xác 03 ý trong 01 câu hỏi được 0,5 điểm;

- Học sinh lựa chọn chính xác cả 04 ý trong 01 câu hỏi được 1,0 điểm.

Bài 4:

Câu 1:

- a) (NB)
- b) (TH)
- c) (TH)
- d) (VD)

Bài 5:

Câu 2:

- a) (NB)
- b) (TH)
- c) (TH)
- d) (VD)

Bài 8:

Câu 3:

- a) (NB)
- b) (TH)
- c) (TH)
- d) (VD)

Bài 10:

Câu 4:

- a) (NB)
- b) (TH)
- c) (TH)
- d) (VD)

III. Phần III: (Dạng trắc nghiệm trả lời ngắn = TNTLN) gồm 6 câu = 1,5 điểm. (0,25 điểm/1 câu.)

1) NHẬN BIẾT

Bài 2: 1NB

Câu 1: (NB)

Bài 9: 1NB

Câu 2: (NB)

2) THÔNG HIỂU

Bài 6: 1TH

Câu 3: (TH)

Bài 9: 1TH

Câu 4: (TH)

3) VẬN DỤNG

Bài 2: 1VD

Câu 5: (VD)

Bài 6: 1VD

Câu 6: (VD)